

Số: *1698*/QĐ-UBND

*Hung Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung  
liên xã Thuận Hưng – Đại Hưng, huyện Khoái Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh về việc quy định cơ chế đầu tư và mô hình quản lý công trình nước sạch nông thôn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh về việc điều chuyển vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2012;

Căn cứ Công văn số 182/UBND-KT1 ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuận Hưng – Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 829/TTr-SKHĐT ngày 21/8/2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuận Hưng – Đại Hưng, huyện Khoái Châu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuần Hưng – Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuần Hưng – Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**2. Chủ đầu tư:** Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên.

**3. Đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư:** Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng hạ tầng Phương Đông.

**4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư:** Kỹ sư Nguyễn Thanh Bình.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng công trình để dần đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân các xã Thuần Hưng, Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

### **6. Nội dung và quy mô xây dựng**

#### **6.1. Nguồn nước và công suất thiết kế**

- Nguồn nước cấp: Nước mặt sông Cửu An.

- Công suất thiết kế: 2.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **6.2. Dây chuyền công nghệ xử lý nước**

Nước mặt sông Cửu An ⇒ Công trình Thu ⇒ Trạm bơm nước thô (Bơm cấp I) ⇒ Hồ sơ lắng ⇒ Ống dẫn nước thô ⇒ Trạm bơm nước thô (Bơm cấp II) ⇒ Bể trộn ⇒ Bể phản ứng ⇒ Bể lắng lamen ⇒ Bể lọc nhanh ⇒ Khử trùng (Javen) ⇒ Bể chứa nước sạch ⇒ Trạm bơm nước sạch ⇒ Mạng đường ống chuyên tải và phân phối.

#### **6.3. Các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối**

##### **6.3.1. Công trình thu và trạm bơm nước thô:**

- Công trình thu: Lắp đặt 02 ống thu nước (đường kính D250 dài 20 m tự chảy dẫn nước về hố thu); xây dựng 01 hố thu nước kích thước thông thủy  $A \times B \times H = (3,6 \times 3,3 \times 5,3)$  m.

- Lắp đặt 02 máy bơm chìm có công suất  $Q = 100$  m<sup>3</sup>/h;  $H = 12$  m (01 máy làm việc, 01 máy dự phòng).

**6.3.2. Hệ thống đường ống cấp nước thô:** Xây dựng và lắp đặt tuyến ống dẫn nước thô từ bơm cấp I về khu xử lý bằng ống thép đen D250 mm chiều dài 62,3 m.

##### **6.3.3. Hồ sơ lắng:**

- Hồ sơ lắng được xây dựng làm 02 đơn nguyên; kích thước hồ  $A \times B \times H = (40 \times 22,8 \times 4)$  m; tại cuối hồ sơ lắng xây dựng hố bơm nước thô, lắp 02 bơm chìm có công suất  $Q = 100$  m<sup>3</sup>/h;  $H = 12$  m.

##### **6.3.4. Cụm bể trộn – phản ứng – lắng lamen**

- Bể trộn: Xây dựng 01 bể trộn kết cấu BTCT 250#. Các thông số kỹ thuật:  $Q = 91,8 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $A \times B \times H = (0,8 \times 0,8 \times 2,6) \text{ m}$ .

- Bể phản ứng: Bể phản ứng có 2 ngăn, kích thước bể  $A \times B \times H = (5,5 \times 4,4 \times 2,6) \text{ m}$ , trong bể bố trí mỗi ngăn phản ứng có 01 khuấy bản cánh 0,6 m. Giải pháp kỹ thuật: Tường bể bằng BTCT 250# dày 30 cm, đáy bể bằng bê tông cốt thép 300# dày 35 cm (gia cố nền móng bằng cọc BTCT).

- Bể lắng lamen: Bể lắng lamen được xây dựng hợp khối với bể phản ứng, kích thước bể  $A \times B \times H = (6,6 \times 4,7 \times 5,8) \text{ m}$ . Giải pháp kỹ thuật: Tường bể bằng BTCT 250# dày 30 cm, đáy bể bằng BTCT 250# dày 30 cm, móng BTXM mác 100 dày 15 cm (gia cố nền móng bằng cọc BTCT).

6.3.4. Bể lọc nhanh: bể xây dựng 4 ngăn lọc, kích thước thông thủy mỗi ngăn  $A \times B \times H = (2,9 \times 2,3 \times 4,34) \text{ m}$ . Giải pháp kỹ thuật: Tường bể bằng BTCT 250# dày 25 cm, đáy bể bằng BTCT 250# dày 35 cm, móng BTXM mác 100 dày 10 cm (gia cố nền móng bằng cọc BTCT).

6.3.5. Bể chứa nước sạch: Xây dựng 01 bể chứa nước sạch (gồm 2 ngăn), kích thước bể  $A \times B \times H = (14,05 \times 14,05 \times 3,6) \text{ m}$ , tường bể bằng BTCT 250# dày 25 cm, lấp bể BTCT 250# dày 20 cm, đáy bể bằng BTCT 250# dày 35 cm, móng BTXM mác 100 dày 20 cm (gia cố nền móng bằng cọc BTCT).

6.3.6. Nhà điều hành - kho hóa chất - nhà trạm bơm nước sạch: Chiều cao 02 tầng, diện tích sàn xây dựng  $340 \text{ m}^2$ . Kết cấu: Móng bằng BTCT; phần thân nhà sử dụng giải pháp kết cấu khung BTCT 250# kết hợp tường xây chèn gạch, vữa XMC mác 75, trát tường bằng vữa XMC mác 50; sàn, mái BTCT mác 200, chống nóng bằng tôn; nền gạch ceramic 300x300; hệ thống cửa đi, cửa sổ panô kính gỗ nhóm IV. Lắp đặt 03 máy nước sạch (02 máy làm việc, 01 máy dự phòng), công suất  $Q = 80 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $H = 35 \text{ m}$ ; 01 máy bơm rửa lọc, công suất  $Q = 200 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $H = 13 \text{ m}$ ; lắp đặt 02 máy bơm định lượng Javen (01 máy làm việc, 01 máy dự phòng), công suất  $Q = 30 \text{ l/h}$ ,  $H = 30 \text{ m}$ ; lắp đặt 02 máy bơm định lượng dung dịch keo tụ, công suất  $Q = 30 \text{ l/h}$ ,  $H = 30 \text{ m}$ ; lắp đặt 04 thùng nhựa dung tích  $W = 0,5 \text{ m}^3$  (02 thùng đựng dung dịch Javen, 02 thùng đựng dung dịch PAC).

6.3.7. Hồ lắng bùn và sân phơi bùn:

- Hồ lắng bùn: Xây dựng 01 hồ lắng bùn, kích thước  $A \times B \times H = (14 \times 7,2 \times 2) \text{ m}$ , thành bể và đáy bể được xây bằng đá hộc VXM mác 100 dày 40cm;

- Sân phơi bùn: sân phơi bùn có 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn  $A \times B = (6 \times 7,5) \text{ m}$ . Giải pháp kỹ thuật: thành của sân phơi bùn được xây bằng gạch vữa XMC mác 75, trát tường bằng vữa XMC mác 75, đáy bể bằng BTXM mác 150 dày 20 cm, móng BTXM mác 100 dày 10 cm.

6.3.8. Công trình phụ trợ:

- Sân nền, công tường rào, sân đường nội bộ: Sân nền bằng cát san nền đầm chặt đến cao độ thiết kế (theo Chứng chỉ quy hoạch số 135<sup>A</sup>/UBND-CCQH ngày 09/05/2013 của UBND huyện Khoái Châu). Xây dựng tường rào bằng gạch, vữa XMC mác 50, chiều cao 1,8 m. Cổng chính kích thước  $B \times H = (4,0 \times 2,25) \text{ m}$ , kết cấu thép; sân đường nội bộ BTXM mác 150, dày 15 cm; hệ thống thoát nước ngoài nhà.

- Hệ thống điện: Lắp đặt 01 trạm biến áp công suất 180kVA.

6.4. Mạng đường ống phân phối nước sạch: Lắp đặt mạng lưới đường ống phân phối nước sạch bằng ống HDPE có đường kính D32 ÷ D250 và ống thép đen (đối với ống nước thô) cụ thể như sau:

- Ống HDPE D250: 55 m;
- Ống HDPE D225: 843 m;
- Ống HDPE D160: 1.677 m;
- Ống HDPE D110: 2.575 m;
- Ống HDPE D100: 6 m;
- Ống HDPE D90: 12.985 m;
- Ống HDPE D63: 5.383 m;
- Ống HDPE D50: 7.238 m;
- Ống HDPE D40: 18.964 m;
- Ống HDPE D32: 15.751 m;
- Ống thép D250: 65 m;
- Lắp đặt 2.531 cụm đồng hồ cho các hộ sử dụng nước.

*(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).*

7. **Vị trí xây dựng:** Xã Thuận Hưng và xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

8. **Diện tích sử dụng đất:** (khu xử lý): 6.346 m<sup>2</sup>.

9. **Phương án giải phóng mặt bằng:** Tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Hưng Yên.

10. **Tổng mức đầu tư:** **72.148 triệu đồng**

- Chi phí xây dựng: 52.014 triệu đồng

*(Bao gồm cả chi phí mua sắm, lắp đặt hệ thống điện, mạng đường ống cấp nước và cụm đồng hồ).*

- Chi phí thiết bị: 1.531 triệu đồng

- Chi phí QLDA: 867 triệu đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 5.585 triệu đồng

- Chi phí khác: 410 triệu đồng

- Chi phí GPMB : 565 triệu đồng

- Chi phí dự phòng: 11.176 triệu đồng

11. **Nguồn vốn đầu tư:**

- 60 % kinh phí cấp phát từ nguồn vốn ODA.

- 30 % kinh phí vay lại từ nguồn vốn ODA.

- 10 % vốn đóng góp của người sử dụng nước.

- Chính quyền và nhân dân xã Thuận Hưng, xã Đại Hưng có trách nhiệm đầu tư phần kinh phí đền bù GPMB.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành dự án.

**13. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2014 - 2016.

**Lưu ý:** Chủ đầu tư thực hiện một số nội dung như sau:

- Thống nhất với đơn vị quản lý nguồn cấp điện về phương án đấu nối nguồn cấp; chủ đầu tư có trách nhiệm cùng đơn vị tư vấn thiết kế tính toán, kiểm tra lại địa chất công trình để tính toán phương án gia cố nền móng cho phù hợp để tiết kiệm vốn đầu tư (nên dùng cọc tre gia cố móng để giảm chi phí đầu tư);
- Tính toán sử dụng vật liệu không nung cho phù hợp với từng loại kết cấu (Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng);
- Kiểm tra lại công nghệ xử lý để đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn nước dùng cho sinh hoạt theo quy định hiện hành;
- Tính toán, kiểm tra lại kết cấu cụm lắng lọc, bể chứa nước sạch, nhà quản lý hành chính cho phù hợp, đảm bảo an toàn cho công trình;
- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm đào tạo, chuyển giao công nghệ cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác công trình;
- Tiếp thu một số ý kiến tham gia tại Văn bản số 331/SXD-HTKT ngày 21/08/2013 của Sở Xây dựng.
- Có trách nhiệm đào tạo, chuyển giao công nghệ cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác công trình.

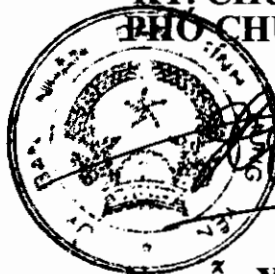
**Điều 2.** Chủ đầu tư và các ngành liên quan tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình, tổ đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng, quản lý vốn đầu tư xây dựng theo các quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh; quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu, Chủ tịch UBND các xã Thuần Hưng, Đại Hưng, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên; thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3.
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, CV:XDCB<sup>C</sup>;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Thới**